

E-Learning システムに関する用語

IT01				
	1	インターネット	インターネット	Internet
	2	要求仕様書	ようきゅうしょうしょ	Bản đặc tả yêu cầu
	3	機能	きのう	Tính năng
	4	有料	ゆうりょう	
	5	セキュリティ	セキュリティ	Bảo mật, an ninh
	6	ログイン	ログイン	Log in
	7	ログアウト	ログアウト	Log out
	8	新規登録	しんきとうろく	Đăng ký mới
	9	所定の情報	しよていのじょうほう	Thông tin bắt buộc
	10	仮登録	かりとうろく	Đăng ký tạm thời
	11	承認	しょうにん	chấp nhận
	12	既存	きぞん	đã có
	13	必須入力項目	ひっすにゆうりょくこうもく	mục nhập bắt buộc
	14	不備	ふび	không đầy đủ
	15	管理者	かんりしゃ	quản trị viên
	16	問い合わせる	といあわせる	liên hệ
	17	リセットする		reset
	18	一時的	いちじてき	khoảng thời gian nhất đị
	19	入力	にゆうりょく	Nhập liệu
	20	ユーザ名	ユーザめい	Tên người dùng
	21	初期パスワード	しょきパスワード	Mật khẩu ban đầu
	22	初期 verifycode	しょき verifycode	Mã xác nhận ban đầu
	23	紛失	ふんしつ	mất, thất lạc
	24	ロックする	リセット	Đặt lại, thiết lập lại
	25	IPアドレス	IPアドレス	Địa chỉ IP
	26	一致		Khớp, thống nhất
	27	システム定数	システムじょうすう	hằng số hệ thống
	28	アップロード	アップロード	Tải lên
	29	資料	しりょう	Tài liệu
	30	暫定値	ざんていち	Bản quyền
	31	本人	ほんにん	Chính người đó
	32	オリジナルのファイル	オリジナルのファイル	Tệp gốc
	33	削除	さくじょ	Xóa
	34	参照	さんしょう	Tham chiếu
	35	コミュニケーション	コミュニケーション	Tương tác
	36	「いい」の件数	「いい」のけんすう	Lượt like
	37	サマリー情報	サマリーじょうほう	Thông tin tóm tắt
	38	受講	じゅこう	Tham gia giờ học
	39	拒否	きょひ	Từ chối
	40	公序良俗	こうじよりょうぞく	Thuân phong mỹ tục
	41	脱退	だつたい	Rút lui
	42	抹消	まつしょう	Hủy bỏ

	43	ロック	ロック	Khóa
	44	ダウンロード	ダウンロード	Tải về
	45	右クリック	みぎクリック	Click chuột phải
	46	プリントスクリーン	プリントスクリーン	Chụp màn hình
	47	アクセス	アクセス	Truy cập
	48	一覧表	いちらんひょう	Danh sách dạng bảng

[illegible]
